TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HS-ST
Ngày: 22-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hinh;

Ông Bùi Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Quốc Đ, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2003, tại Đồng Nai; nơi thường trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nơi tạm trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thành C, sinh năm: 1974 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1977; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện đang tại ngoại tại Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, *có mặt tại phiên tòa.*

- *Bị hại:* Cháu K’ Nguyễn Chí C, sinh ngày 26/10/2004; nơi cư trú: Thôn E, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, *vắng mặt.*

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông K’B, sinh năm: 1979 và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn E, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, là cha mẹ của cháu C, *vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Vy Thị D, sinh năm: 1989; nơi cư trú: đường T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 12/2020, Phạm Quốc Đ mượn xe mô tô biển số: 49AF-031.94 của K'Nguyễn Chí C, sinh ngày 26/10/2004; nơi cư trú: Thôn E, xã T, huyện D để đi lại và hẹn khoảng ba đến bốn ngày sau sẽ trả lại. C đồng ý và giao xe cho Đ. Khoảng một tuần sau đó, Đ mang xe mô tô biển số: 49AF-031.94 của C đến nhà chị Vy Thị D tại đường T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng thế chấp để lấy lại chiếc chiếc điện thoại di động mà Đ đã cầm cho chị D để mượn số tiền 2.000.000 đồng trước đó. Khi thế chấp Đ không nói nguồn gốc xe và chị D cũng không hỏi nguồn gốc xe. Sau đó C có nhiều lần yêu cầu Đ trả lại chiếc xe mô tô nói trên thì Đ nói với C là Cơ quan Công an hiện đang tạm giữ xe do vi phạm luật giao thông nhưng thực tế Cơ quan Công an không tạm giữ phương tiện trên. C tiếp tục yêu cầu Đ trả lại xe thì Đ lại nói với C là xe gắn máy trên đã được một người chị của Đ nộp phạt và đang giữ lại chiếc xe. Sau đó, Đ vẫn không trả lại chiếc xe trên cho C nên C đã tố cáo hành vi của Đ đến Cơ quan điều tra Công an huyện D. Tại cơ quan điều tra, Phạm Quốc Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM loại Elegant đen xanh, biển số: 49AF-031.94.

Tại bản kết luận định giá số 368/KL-HĐĐG ngày 19/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện D xác định xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ELEGANT, biển số: 49AF-031.94 trị giá 9.750.000 (chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 16/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Phạm Quốc Đvề tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện như nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi. Bị cáo đều thống nhất và không thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng trình bày luận tội, tranh luận đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Quốc Đ về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 16/8/2021 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Quốc Đ phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Qua phân tích đánh giá tính chất mức độ về hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các Điều 50, 90, 91, 100; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Quốc Đ từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải, cam đoan không vị phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại cháu C; người đại diện hợp pháp của cháu C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị D có đơn xin xét xét vắng mặt nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Phạm Quốc Đ vào cuối tháng 12/2020 mượn xe của cháu K’ Nguyễn Chí C sau đó cầm cố cho chị Vy Thị D để lấy lại chiếc điện thoại di động mà trước đó Đ đã cầm cố cho chị D để vay số tiền 2.000.000 đồng. Khi cháu C yêu cầu bị cáo trả lại chiếc xe mô tô thì bị cáo tìm mọi thủ đoạn gian dối, để không phải trả lại tài sản đã mượn là chiếc xe mô tô biển số 49AF-031.94 cho cháu C. Hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”,* tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội khi ở

tuổi vị thành niên nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Xét thấy khi thực hiện hành vi mượn tài sản của người khác rồi mang đi cầm cố khi chưa đủ tuổi thành niên nhưng bị cáo biết hành vi lợi dụng sự tin tưởng của người khác để mượn tài sản sau đó mang đi cầm cố dẫn đến việc không có tài sản để trả lại cho bị hại là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện là thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo thực hiện không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên toà thể hiện bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến, yêu cầu gì; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được bị cáo trả lại số tiền vay, không có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM loại Elegant màu đen xanh, biển số: 49AF-031.94 cho bị hại, bị hại và cha mẹ của bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

[9] Trong vụ án này, có chị Vy Thị D, là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số: 49AF-031.94 của bị cáo nhưng tại thời điểm nhận cầm cố, chị D không hỏi nguồn gốc tài sản, bị cáo không nói cho chị D biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có cơ sở xử lý đối với chị D.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Quốc Đ phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các Điều 50, 65, 90, 91; 101; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Phạm Quốc Đ 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Phạm Quốc Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- BP THA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Đoàn Văn Chiến